

Thứ ba, ngày 21 tháng 3 năm 2023

Vietnam Daily Review

VN-Index tăng hơn 9 điểm

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 22/3/2023		●	
Tuần 20/3-24/3/2023		●	
Tháng 03/2023		●	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Mở cửa bật tăng, tuy nhiên VN-Index bị cản lại tại ngưỡng 1,030. Thị trường sau đó giảm điểm cho đến khi kết thúc phiên sáng. Sang đến phiên chiều, thị trường bỗng lợi dòng tăng điểm mạnh mẽ và kết phiên tại mốc 1,032.43 điểm, tăng hơn 9 điểm so với phiên hôm qua. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tích cực với 13/19 ngành tăng điểm, trong đó tài nguyên cơ bản là ngành có mức tăng mạnh nhất. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này tiếp tục mua ròng trên cả hai sàn HSX và HNX. Trong những phiên tới thị trường có thể giằng co quanh ngưỡng 1020-1040.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL tăng theo nhịp vận động của VN30. Khuyến nghị nhà đầu tư giao dịch thận trọng trong những phiên tới.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 21/3/2023, các chứng quyền biến động theo nhịp hồi phục của cổ phiếu cơ sở.

Điểm nhấn:

- VN-Index **+9.33** điểm, đóng cửa **1032.43** điểm. HNX-Index **+1.49** điểm, đóng cửa **203.11** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **VHM (+3.11)**, **VCB (+1.66)**, **VPB (+1.1)**, **HPG (+0.66)**, **CTG (+0.36)**.
- Kéo chỉ số giảm: **MSN (-0.5)**, **SAB (-0.48)**, **HDB (-0.25)**, **VJC (-0.24)**, **PLX (-0.23)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **6,678** tỷ đồng, giảm **-16.53%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 8,324 tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 19.1 điểm. Thị trường có **279** mã tăng, 71 mã tham chiếu, **109** mã giảm.
- Giá trị mua ròng của khối ngoại: **113.93** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **VHM (54.23 tỷ)**, **HPG (36.5 tỷ)**, **VCI (32.83 tỷ)**. Khối ngoại mua ròng trên sàn HNX với giá trị **7.2** tỷ đồng.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo

thaopt1@bsc.com.vn

Vũ Việt Anh

anhvv@bsc.com.vn

Nguyễn Giang Anh

anhng@bsc.com.vn

VN-INDEX **1032.43**

Giá trị: 6677.89 tỷ

9.33 (0.91%)

Khối ngoại (ròng): 113.93 tỷ

HNX-INDEX **203.11**

Giá trị: 522.04 tỷ

1.49 (0.74%)

Khối ngoại (ròng): 7.2 tỷ

UPCOM-INDEX **75.67**

Giá trị: 231.78 tỷ

-0.35 (-0.46%)

Khối ngoại (ròng): -13.89 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	68.9	0.80%
Giá vàng	1,930	0.57%
Tỷ giá USD/VND	23,590	0.06%
Tỷ giá EUR/VND	25,136	0.46%
Tỷ giá JPY/VND	177	0.16%
LS liên NH 1 tháng	5.1%	0.44%
LS TPCP 5 năm	3.9%	0.02%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
VHM	54.23	PDR	-56.28
HPG	36.50	SSI	-36.75
VCI	32.83	MBB	-35.29
VRE	31.25	VND	-34.23
POW	19.33	PLX	-30.96

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Thị trường hàng hóa	Trang 2
Hiệu suất PTKT	Trang 3
Thị trường phái sinh	Trang 4
Thống kê thị trường	Trang 5
Danh mục BSC30	Trang 6
Danh mục BSC50	Trang 7
Báo cáo mới nhất	Trang 8
Khuyến cáo sử dụng	Trang 9

Cập nhật giá cả hàng hóa sáng 21/3

Mặt hàng	Đơn vị	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu vào	Liên quan đầu ra
Dầu WTI	Barrel	68.26	0.97%	-9.85%	-10.82%	-31.31%	PVT	GAS, BSR
Dầu Brent	Barrel	74.61	1.24%	-8.56%	-9.75%	-27.96%	PVT	GAS, BSR
Xăng	Gallon	2.50	2.33%	-4.22%	-4.85%	-21.59%	HVN, VJC	PLX, OIL
Vàng	Ounce	1919.24	0.06%	4.83%	4.22%	-1.20%		PNJ
Bạc	Ounce	21.67	-0.52%	7.98%	-0.25%	-14.46%		PNJ
Đậu tương	Bushel	1491.50	0.15%	-1.27%	-2.02%	-10.61%	DBC, QNS	HKB
Lúa mì	Bushel	699.00	-0.53%	4.99%	-9.95%	-35.04%	AFX	
Sữa	Cwt	18.00	0.17%	1.35%	0.56%	-19.61%	KDC	VNM, GTN, QNS
Cao su	JPY/kg	129.30	-2.42%	-3.94%	-5.90%	-24.69%	SRC, CSM, DRC	DPR, PHR, HAG, HNG
Đường	LB	20.76	1.27%	-1.84%	-3.04%	11.08%	VNM, GTN, QNS	SBT, LSS, SLS, QNS,
Chè	Kg	2.95	5.36%	5.36%	6.50%	6.50%		
Cà phê	LB	185.50	4.65%	4.21%	-1.70%	-14.63%	VCF, CTP	CTP, DLG
Đồng	LB	3.89	-0.11%	-4.01%	-5.27%	-17.23%	CAV, SAM, TGP, VTH	MSN, ACM, BGM
Thép	CNY/ton	4255.00	-2.03%	0.00%	2.41%	-13.52%		HPG
Nhôm	Ton	2285.00	0.35%	-1.85%	-4.29%	-32.49%	CAV, SAM, TGP, VTH	
Quặng sắt	Ton	134.50	0.75%	4.67%	5.91%	-4.95%	HPG	
Than đá	Ton	175.00	-2.78%	-3.85%	-18.22%	-48.53%	HT1,HPG	HLC, NBC, TNT, THT

Thông tin nổi bật

Giá dầu

- Chốt phiên 20/3, dầu Brent kỳ hạn tháng 5 tăng 82 US cent hay 1.1% lên 73.79 USD/thùng. Dầu WTI kỳ hạn tháng 4 tăng 90 US cent hay 1.4% lên 67.64 USD/thùng trước khi hợp đồng này đáo hạn. Hợp đồng dầu WTI giao tháng 5 tăng 89 US cent hay 1.3% lên 67.82 USD/thùng.
- Giá dầu phục hồi và tăng hơn 1% trong phiên đầu tuần sau khi giảm xuống mức thấp nhất trong 15 tháng, do thị trường lo lắng rủi ro trong lĩnh vực ngân hàng toàn cầu có thể gây ra suy thoái làm giảm nhu cầu nhiên liệu.

Giá vàng

- Vàng giao ngay giảm 0.5% xuống 1,977.18 USD/ounce sau khi tăng hơn 1%, trong khi vàng Mỹ kỳ hạn tháng 4 đóng cửa tăng 0.5% lên 1,982.8 USD/ounce.
- Giá vàng thoái lui từ mức cao nhất một năm do các thị trường cổ phiếu và lợi suất trái phiếu kho bạc tăng trở lại sau những nỗ lực củng cố niềm tin vào lĩnh vực tài chính của các ngân hàng trung ương.

Giá quặng sắt

- Hợp đồng quặng sắt kỳ hạn tháng 5 trên sàn giao dịch hàng hóa Đại Liên đóng cửa giảm 2.48% xuống 883 CNY (128.14 USD)/tấn, mức thấp nhất kể từ 3/3. Tại Singapore, giá quặng sắt giao tháng 4 ở mức 125.95 USD/tấn, giảm 3.7%. Giá đã giảm 4.7% từ mức cao 132.18 USD/tấn đạt được trong ngày 15/3.
- Quặng sắt Đại Liên và Singapore giảm sau khi cơ quan hoạch định nhà nước Trung Quốc đưa ra một cảnh báo khác chống lại đầu cơ trên thị trường và các biện pháp mới hạn chế sản xuất được áp dụng tại các thành phố sản xuất thép lớn của Trung Quốc.

Giá nông sản

- Cà phê robusta kỳ hạn tháng 5 đóng cửa tăng 23 USD hay 1.1% lên 2,087 USD/tấn sau khi chạm mức thấp nhất 5 tuần tại 2,023 USD/tấn. Các đại lý lưu ý dự trữ cà phê trên sàn giao dịch robusta tăng đẩy thị trường vào thế phòng thủ. Cà phê arabica kỳ hạn tháng 5 tăng 1.9 US cent hay 1.1% lên 1.785 USD/lb sau khi xuống mức thấp nhất 6 tuần tại 1.7105 USD trong tuần trước.

Thị trường chứng khoán thế giới

	21/3	% 21/3	20/3	% 20/3	% Tuần	% Tháng
VN INDEX	1032.43	0.91%	1023.10	-1.13%	-0.74%	-2.54%
S&P 500			3951.57	0.89%	2.48%	-4.73%
HĐTL S&P500	3993.75	0.27%	3983.00	6.38%	1.00%	-3.47%
Shang-hai	3255.65	0.64%	3234.91	6.92%	0.32%	0.98%
Euro Stoxx	4119.42		4064.99	17.36%	0.56%	-4.14%

* Giờ chốt dữ liệu: 15h00 hàng ngày theo giờ Việt Nam

Danh sách cổ phiếu khuyến nghị cho nhà đầu tư ngắn hạn

Thông kê các khuyến nghị chưa đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá đóng cửa tại ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Giá hiện tại	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ	Khuyến nghị hiện tại
16/3/23	GVR	15	16.9	14	14.35	5	-4.33%	Có thể giữ nguyên vị thế
7/3/2023	HPG	21.1	24	19.8	20	14	-5.21%	Cần nhắc đóng vị thế (*)
2/3/2023	DDV	8.6	10	8	8.3	19	-3.49%	Có thể giữ nguyên vị thế
Chú thích:		(*) Trạng thái kỹ thuật không tốt				(**) Tiềm cận giá mục tiêu		

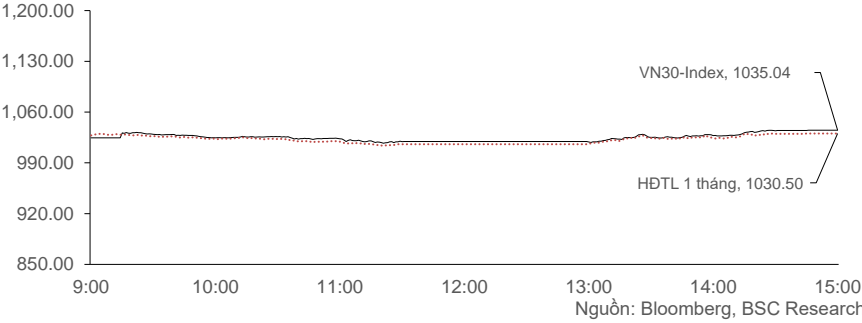
Thông kê các khuyến nghị đã đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá đóng cửa tại ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Trạng thái	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ
31/1/23	DGC	60.3	70	56.6	SL	8	-6.14%
19/12/22	VCS	57.7	70.5	53.3	SL	46	-7.63%
16/12/22	IJC	14.2	18	13	SL	4	-8.45%
18/8/22	PTB	67.8	77	64	SL	21	-5.60%
5/8/22	DRC	29.5	34	28.2	SL	54	-4.41%
4/8/22	VTP	62.3	70	58.5	SL	46	-6.10%
7/18/22	GVR	23.2	23.5	21.9	TP	65	1.29%
27/6/22	DBC	19.45	24	18.25	TP	9	23.39%
6/6/2022	NT2	25.1	28.5	23.5	TP	8	13.55%
1/6/2022	PC1	38.5	43.3	35.2	TP	7	12.47%
25/5/22	FRT	82.7	103.9	76.3	TP	26	25.63%
19/5/22	DCM	31.4	40	28	TP	14	27.39%
Chú thích: Danh sách thống kê 15 mã đóng vị thế gần nhất					TP - Đã chốt lời	SL - Đã cắt lỗ	

Thông kê	Số khuyến nghị lãi	Số khuyến nghị lỗ	Hiệu suất khuyến nghị lãi	Hiệu suất khuyến nghị lỗ	Hiệu suất bình quân	Số ngày nắm giữ bình quân
Cổ phiếu chưa chốt	0	3	0.00%	-4.34%	-4.34%	13
Cổ phiếu đã chốt	251	232	7.01%	-7.45%	3.97%	23

Thị trường hợp đồng tương lai

Hình 4
VN30-Index Intraday vs HDTL 1 tháng Intraday



Bảng 4
Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2304	1030.50	0.79%	-4.54	42.0%	414,056	4/20/2023	32
VN30F2305	1027.00	1.07%	-8.04	13.1%	1,208	5/18/2023	60
VN30F2306	1026.70	0.75%	-8.34	-39.5%	141	6/15/2023	88
VN30F2309	1025.00	0.35%	-10.04	-64.5%	77	9/21/2023	186

Source: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 tăng 10.54 điểm lên 1035.04 điểm, biên độ dao động 19.41 điểm. Các cổ phiếu như VHM, VPB, HPG, STB, và VCB đã tác động tích cực đến nhịp vận động của VN30.
- VN30 bật tăng trong phiên chiều với biên độ giao động lớn. Thanh khoản thị trường nằm trên đường MA20. Khuyến nghị nhà đầu tư giao dịch thận trọng trong những phiên tới.
- Các HDTL tăng theo nhịp vận động của VN30. Xét về khối lượng, VN30F2306, VN30F2309 giảm các hợp đồng còn lại đều tăng. Xét về vị thế mở, VN30F2306 giảm, các hợp đồng còn lại tăng.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Price/ Value	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CVHM2220	11/1/2023	225	8:1	113,900	36.76%	3,000	810	22.73%	154	5.25	62,000	58,000	45,400
CVRE2215	3/31/2023	10	1.33:1	471,500	45.45%	2,600	150	15.38%	365	0.41	30,220	30,000	29,450
CMSN2215	9/5/2023	168	10:1	93,000	40.80%	2,600	590	13.46%	331	1.78	108,400	102,000	80,100
CVPB2214	9/5/2023	168	15.7:1	318,400	38.86%	1,100	1,300	12.07%	242	5.37	21,480	17,000	20,350
CVHM2218	6/6/2023	77	16:1	569,500	36.76%	1,650	200	11.11%	19	10.34	55,140	54,000	45,400
CVRE2216	8/31/2023	163	2.66:1	305,700	45.45%	1,650	640	6.67%	1,108	0.58	33,240	31,000	29,450
CVHM2216	8/31/2023	163	16:1	439,000	36.76%	1,900	160	6.67%	26	6.23	63,280	62,000	45,400
CHPG2226	9/5/2023	168	4:1	37,500	50.02%	2,300	1,950	6.56%	775	2.52	23,360	19,500	20,450
CVPB2212	8/31/2023	163	15.2:1	231,400	38.86%	1,700	370	5.71%	46	8.03	25,523	24,644	20,350
CVPB2301	9/27/2023	190	4.91:1	318,100	38.86%	1,000	1,050	5.00%	483	2.17	23,680	19,800	20,350
CSTB2224	9/5/2023	168	1:1	77,300	50.20%	2,700	3,290	4.78%	5,808	0.57	26,380	20,000	24,600
CACB2208	9/5/2023	168	4:1	30,500	35.63%	1,400	1,300	4.00%	987	1.318	26,660	21,500	24,200
CPOW2210	6/6/2023	77	5:1	88,800	39.93%	1,870	950	3.26%	183	5.19	13,920	13,000	13,200
CVNM2207	3/28/2023	7	5:1	271,500	23.23%	1,100	470	2.17%	1,376	0.34	76,736	67,462	74,400
CMWG2215	11/1/2023	225	6:1	55,800	45.04%	1,300	570	1.79%	560	1.02	51,500	45,000	38,500
CMBB2213	6/6/2023	77	3:1	51,900	39.74%	1,550	730	1.39%	490	1.49	19,280	17,000	17,350
CVRE2219	6/6/2023	77	1.33:1	178,300	45.45%	1,050	510	0.00%	1,888	0.27	30,470	29,000	29,450
CSTB2218	3/31/2023	10	4:1	1,395,700	50.20%	2,100	60	0.00%	9	6.70	28,160	28,000	24,600
CMBB2215	11/1/2023	225	2:1	61,900	39.74%	2,500	1,430	-1.38%	1,033	1.38	20,880	18,000	17,350
CFPT2210	8/31/2023	163	10:1	104,100	25.36%	2,350	400	-2.44%	184	2.18	94,700	90,000	78,100
Tổng				5,213,800	40.16%**								

Chú thích: Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất
Lãi suất phi rủi ro là 4.75%
**Trung bình độ lệch chuẩn

CR: Tỷ lệ chuyển đổi
Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn
*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 21/3/2023, các chứng quyền biến động theo nhịp hồi phục của cổ phiếu cơ sở.
- CSTB2225 có mức tăng trưởng tốt nhất, ở mức 14.59%. Giá trị giao dịch giảm -13.98%. CSTB2225 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 14.59%.
- CVRE2219, CVNM2207, CVNM2211, và CVRE2215 là những chứng quyền có giá trị gần nhất với giá lý thuyết. CSTB2224, CSTB2225, CVPB2214, và CHPG2230 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CSTB2224, CVNM2211, CHPG2225, và CVNM2207 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Bảng 2
Top tăng điểm VN30

CK	Giá	±Giá (%)	Index pt
VHM	45.40	6.70	3.24
VPB	20.35	3.30	3.19
HPG	20.45	2.25	1.50
STB	24.60	1.65	0.79
VCB	86.50	1.65	0.76

Source: Bloomberg, BSC Research

Bảng 3
Top giảm điểm VN30

CK	Giá	±Giá (%)	Index pt
MSN	80.1	-1.72	-0.94
HDB	17.4	-2.25	-0.74
VJC	103.8	-1.70	-0.51
SAB	186.0	-1.59	-0.22
PLX	34.7	-1.98	-0.09

Source: Bloomberg, BSC Research

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VHM	45.40	6.70	3.11	2.54MLN
VCB	86.50	1.65	1.66	1.06MLN
VPB	20.35	3.30	1.10	29.19MLN
HPG	20.45	2.25	0.66	19.06MLN
CTG	28.30	1.07	0.36	1.06MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	7/4/20	Index pt	KLGD
MSN	80.10	-1.72	-1	1.06MLN
SAB	186.00	-1.59	0	141600
HDB	17.40	-2.25	0	5.11MLN
VJC	103.80	-1.70	0	418000
PLX	34.70	-1.98	0	1.55MLN

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

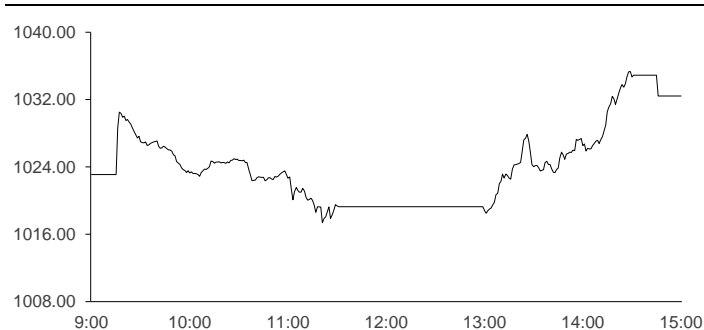
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
PDN	137.60	7.00	0.04	100.00
KSB	26.90	6.96	0.03	4.16MLN
TMT	19.30	6.93	0.01	37000
SSC	32.85	6.83	0.01	100
SCD	16.45	6.82	0.00	100

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
MSN	80.10	-1.72	-0.50	1.06MLN
SAB	186.00	-1.59	-0.48	141600
HDB	17.40	-2.25	-0.25	5.11MLN
VJC	103.80	-1.70	-0.24	418000
PLX	34.70	-1.98	-0.23	1.55MLN

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 1
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
KSF	43.20	2.37	0.25	44300.00
THD	39.30	0.77	0.17	7500
CEO	21.00	2.44	0.16	3.55MLN
SHS	8.50	1.19	0.13	8.16MLN
PVS	24.30	1.25	0.12	3.03MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
NVB	15.10	-1.31	-0.17	28000
BAB	14.10	-0.70	-0.12	3300
SJE	26.10	-4.04	-0.03	200
BCF	36.80	-3.16	-0.03	2000
PJC	21.20	-15.20	-0.02	800

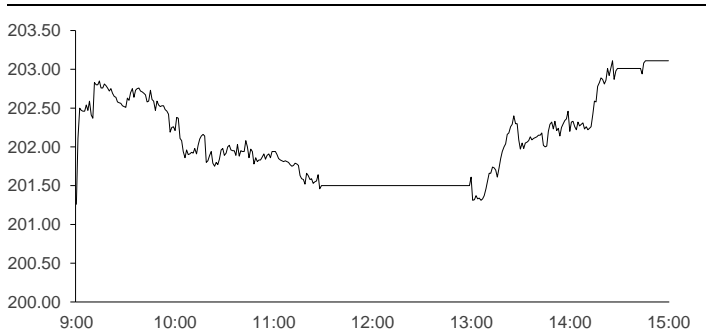
Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SGC	72.60	10.0	0.02	100
PMS	24.30	10.0	0.01	2400
VIF	13.40	9.8	0.07	100
KDM	14.70	9.7	0.01	36100
VMS	17.20	9.6	0.01	800

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

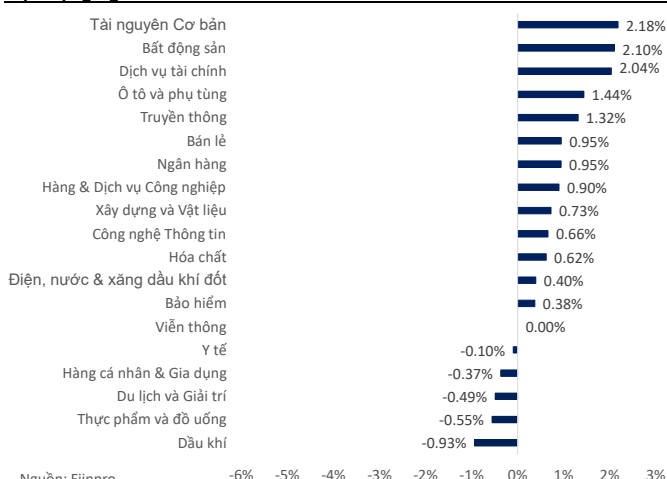
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
PJC	21.20	-15.20	-0.02	800
GDW	27.70	-9.77	-0.01	1000
NBW	26.90	-9.73	-0.01	3500
CKV	10.80	-9.24	0.00	300
VDL	15.90	-9.14	-0.01	1100

Hình 2
HNX-Index Intraday



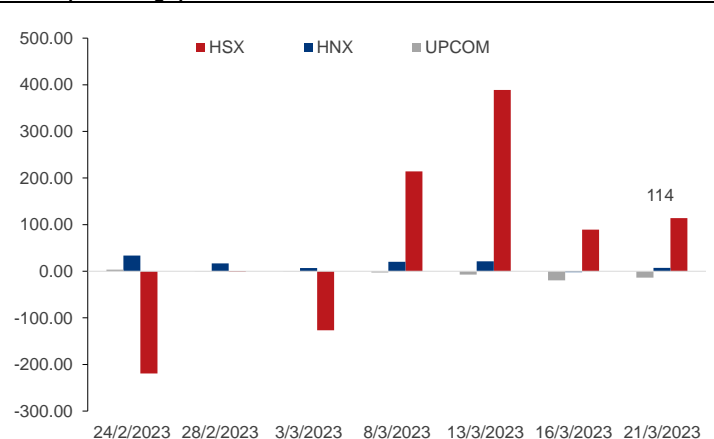
Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3
Vận động ngành



Nguồn: Fiinpro

Hình 4
Giao dịch khối ngoại

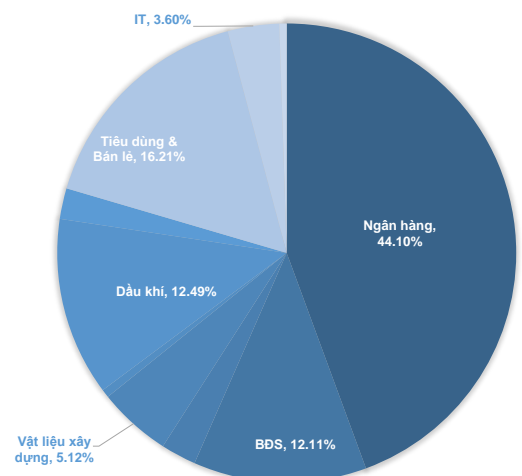


Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh mục BSC30

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	Giá mục tiêu (VND)	NN sở hữu	Link tài báo
VCB	Ngân hàng	86.5	1.6%	0.9	17,798	4.0	7,311	11.8	105,000	23.6%	Link
BID	Ngân hàng	45.4	0.0%	1.0	9,974	1.5	4,208	10.8	54,578	17.3%	Link
CTG	Ngân hàng	28.3	1.1%	1.2	5,913	1.3	-	-	-	28.1%	Link
VPB	Ngân hàng	20.4	3.3%	1.2	5,940	25.3	-	-	-	17.6%	Link
ACB	Ngân hàng	24.2	0.8%	1.1	3,554	1.6	4,640	5.2	26,000	30.0%	Link
MBB	Ngân hàng	17.4	0.3%	1.1	3,420	6.0	4,603	3.8	24,600	23.2%	Link
STB	Ngân hàng	24.6	1.7%	1.4	2,016	11.5	4,880	5.0	31,200	29.2%	Link
SSI	Chứng khoán	20.0	2.6%	1.7	1,304	15.0	N/A	-	-	42.8%	Link
GVR	BĐS KCN	14.5	0.7%	1.8	2,513	0.7	1,217	11.9	19,100	0.5%	Link
HPG	Vật liệu xây dựng	20.5	2.3%	1.0	5,170	16.7	1,916	10.7	25,000	23.4%	Link
HSG	Vật liệu xây dựng	16.1	2.5%	2.1	419	6.2	1,896	8.5	18,500	10.6%	Link
VHM	BĐS	45.4	6.7%	0.9	8,595	4.9	5,227	8.7	68,300	23.9%	Link
VRE	BĐS	29.5	1.6%	0.4	2,910	3.8	1,576	18.7	31,800	32.5%	Link
NLG	BĐS	23.1	1.3%	1.5	386	1.3	2,557	9.0	38,700	44.9%	Link
DPM	Phân bón	33.6	0.3%	1.5	572	1.5	14,120	2.4	42,000	18.4%	Link
GAS	Dầu khí	103.2	0.2%	0.8	8,588	0.5	6,793	15.2	122,300	3.0%	Link
PLX	Dầu khí	34.7	-2.0%	0.8	1,917	2.4	2,625	13.2	42,000	18.1%	Link
BSR	Dầu khí	14.9	0.0%	1.6	2,009	4.3	2,292	6.5	18,400	41.1%	Link
PVS	Dầu khí	24.3	1.3%	1.3	505	3.2	1,340	18.1	31,100	20.4%	Link
PVT	Dầu khí	20.5	3.0%	1.3	288	1.2	2,929	7.0	24,300	18.3%	Link
POW	Tiện ích	13.2	2.7%	1.2	1,344	3.2	993	13.3	13,000	6.3%	Link
REE	Tiện ích	67.0	0.4%	0.8	1,035	0.6	7,698	8.7	85,000	49.0%	Link
VNM	Tiêu dùng	74.4	0.1%	0.4	6,761	4.4	3,895	19.1	87,600	55.8%	Link
MSN	Tiêu dùng	80.1	-1.7%	1.2	4,958	3.7	2,605	30.7	96,000	30.6%	Link
MWG	Bán lẻ	38.5	1.0%	1.3	2,450	2.3	3,456	11.1	55,200	49.0%	Link
PNJ	Bán lẻ	79.0	-1.3%	0.8	1,127	0.9	7,475	10.6	95,000	49.0%	Link
FRT	Bán lẻ	66.9	1.4%	1.3	345	2.4	2,965	22.6	77,100	29.0%	Link
VHC	Thủy sản	56.1	0.2%	1.2	447	0.5	12,800	4.4	67,500	30.5%	Link
GMD	Logistics	50.2	0.6%	0.7	658	0.5	7,059	7.1	57,000	48.8%	Link
FPT	Công nghệ	78.1	0.6%	0.8	3,725	1.8	5,901	13.2	91,900	49.0%	Link

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Ho Chi Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.



Danh mục BSC50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	Giá mục tiêu (VND)	NN sở hữu	ROE (%)
TCB	Ngân hàng	26.4	0.4%	1.3	4,030	2.3	5,737	4.6	0.8	22.5%	19.7%
BVH	Bảo hiểm	49.0	0.0%	0.9	1,581	0.5	2,059	23.8	1.8	27.4%	7.4%
VND	Chứng khoán	14.8	3.1%	2.1	784	11.1	1,003	14.8	1.2		10.0%
FTS	Chứng khoán	20.8	4.5%	2.2	176	1.4	1,672	12.4	1.2	25.5%	10.1%
CII	Xây dựng	14.4	0.3%	1.8	157	2.0	3,003	4.8	0.7	9.1%	14.2%
CTD	Xây dựng	37.3	1.6%	1.8	120	0.2	281	132.6	0.3	49.1%	0.3%
HBC	Xây dựng	7.9	0.5%	1.9	95	0.3	(4,168)		0.8	15.7%	-36.1%
LCG	Xây dựng	12.7	3.7%	2.0	104	4.7	1,044	12.1	1.0	3.3%	8.0%
BCM	KCN	82.0	0.5%	0.9	3,690	0.3	1,306	62.8	5.0	2.8%	9.9%
IDC	KCN	38.2	0.5%	1.6	548	2.3	6,831	5.6	2.4	1.0%	50.1%
VGC	KCN	30.9	-0.2%	1.5	601	0.8	3,855	8.0	1.8	5.2%	23.5%
VCS	Vật liệu	49.8	1.4%	0.8	346	0.1	6,671	7.5	1.6	3.1%	23.6%
HT1	Vật liệu	14.9	1.7%	1.4	246	0.4	675	22.0	1.1	3.4%	5.0%
BMP	Vật liệu	57.7	0.5%	0.7	205	0.0	8,505	6.8	1.8	85.5%	28.3%
NKG	Vật liệu	15.8	4.3%	2.2	181	5.8	(253)		0.8	12.5%	-1.2%
PTB	Vật liệu	39.7	0.5%	1.0	117	0.4	7,158	5.5	1.0	13.2%	19.5%
NVL	BDS	11.1	-0.5%	1.0	937	3.8	1,167	9.5	0.6	6.0%	6.2%
DIG	BDS	12.1	3.0%	2.4	320	5.9	250	48.2	1.0	5.5%	2.0%
IJC	BDS	12.4	1.6%	2.0	136	0.8	1,914	6.5	0.8	6.0%	13.5%
SCR	BDS	6.4	0.6%	1.9	111	0.6	127	50.8	0.5	0.4%	1.0%
VEA	Ô tô	37.8	0.5%	0.5	2,184	0.1	4,320	8.8	2.1	5.1%	23.7%
DCM	Phân bón	24.5	-0.4%	1.4	564	3.1	7,702	3.2	1.2	10.8%	45.2%
PVD	Dầu khí	19.7	0.8%	1.5	476	2.2	(0)		0.8	23.5%	-0.7%
PLC	Dầu khí	33.0	2.5%	1.8	116	0.9	1,649	20.0	2.1	1.3%	10.2%
DRC	Săm & Lốp xe	22.0	0.9%	1.3	113	0.1	2,586	8.5	1.4	8.4%	16.7%
GEX	Tiện ích	12.2	2.5%	1.8	450	2.1	446	27.2	0.9	11.9%	3.1%
NT2	Tiện ích	29.0	1.8%	0.7	363	0.8	2,992	9.7	1.8	15.9%	19.5%
VSH	Tiện ích	38.4	-0.3%	0.7	394	0.1	5,354	7.2	1.8	11.7%	28.0%
HDG	Tiện ích	29.3	0.7%	1.5	312	0.3	4,599	6.4	1.3	20.4%	22.7%
PC1	Tiện ích	27.5	1.1%	1.2	323	1.9	1,664	16.5	1.5	7.5%	9.2%
HND	Tiện ích	14.1	-0.7%	0.5	307	0.0	1,094	12.9	1.1	0.0%	8.7%
QTP	Tiện ích	14.8	0.7%	0.6	290	0.1	1,698	8.7	1.1	0.9%	12.4%
GEG	Tiện ích	14.2	1.8%	1.1	198	0.2	1,193	11.9	1.3	46.4%	8.1%
PPC	Tiện ích	15.1	0.3%	0.7	210	0.0	1,572	9.6	0.9	13.0%	10.1%
OIL	Tiện ích	8.6	-1.1%	1.5	387	0.2	493	17.4	0.9	6.1%	5.0%
DHC		39.2	0.5%	0.6	137	0.1	4,670	8.4	1.8	35.0%	22.0%
SAB	F&B, Bán lẻ	186.0	-1.6%	0.2	5,186	1.2	8,006	23.2	5.2	62.7%	23.6%
QNS	F&B, Bán lẻ	38.6	0.3%	0.5	599	0.2	4,226	9.1	1.6	19.4%	17.5%
DBC	F&B, Bán lẻ	13.7	2.6%	2.0	144	0.6	621	22.0	0.7	5.9%	3.2%
PET	F&B, Bán lẻ	20.0	0.8%	2.3	86	0.2	1,582	12.6	1.1		7.4%
HAG	F&B, Bán lẻ	7.3	0.1%	1.4	296	1.4	1,252	5.9	1.4	2.8%	24.8%
ANV	Thủy sản	30.1	0.3%	1.6	174	0.8	5,299	5.7	1.3	6.5%	25.8%
VJC	Logistics	103.8	-1.7%	0.2	2,444	1.9	(4,010)		4.0	17.4%	-14.0%
HVN	Logistics	12.9	1.6%	1.2	1,242	0.5	(4,720)			5.9%	
SCS	Logistics	67.6	0.1%	0.3	276	0.1	6,505	10.4	4.7	29.7%	48.1%
VSC	Logistics	29.1	-1.0%	0.4	153	0.1	2,592	11.2	1.3	3.0%	12.9%
VTP	Logistics	26.4	1.5%	1.0	130	0.2	2,252	11.7	2.3	15.1%	20.1%
HAH	Logistics	32.2	0.9%	1.0	98	1.0	10,224	3.1	1.0	10.1%	40.1%
CTR	Công nghệ	55.8	0.5%	1.2	278	0.1	3,885	14.4	3.9	10.9%	30.3%
TNG	Dệt may	17.3	3.6%	1.7	79	1.2	2,835	6.1	1.2	12.9%	17.9%

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logistic, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	BSC_Vietnam Macro Market Outlook 2023_VN_Trong nguy có cơ	x		Click
2	BSC_Vietnam Sector Outlook 2023		x	Click
3	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 02.2023	x		Click
4	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 01.2023	x		Click
5	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2022		x	Click
6	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 11.2019	x		Click
7	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 10.2020	x		Click
8	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 9.2021	x		Click
9	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 8.2022	x		Click
10	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2022		x	Click
11	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 7.2022	x		Click
12	BSC_Vĩ mô Thị trường Quý II 2022	x		Click
13	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 5.2022	x		Click
14	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2022		x	Click
15	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 4.2022	x		Click
16	Triển vọng ngành Thủy sản 2022		x	Click
17	BSC_Vĩ Mô Thị trường tháng 3.2022	x		Click
18	Triển vọng ngành Dệt May 2022		x	Click
19	BSC_Vĩ Mô Thị trường tháng 2.2022	x		Click
20	Triển vọng ngành dầu khí 2022		x	Click
21	BSC_Vietnam Sector Outlook 2022		x	Click
22	Cơ hội từ Đầu tư công (lần 3)	x		Click
23	BSC_Vĩ Mô Thị trường Tháng 1.2022	x		Click
24	BSC_Vietnam Marco Market Outlook 2022	x		Click
25	Ngành Phân bón_Cập nhật KQKD 9T/2021		x	Click
26	BSC_Vĩ Mô Thị trường Tháng 11.2021	x		Click
27	Ngành Ngân hàng_Cập nhật KQKD 9T/2021		x	Click
28	Chuyển dịch hàng hóa CN nặng & Cơ hội TTCK	x		Click
29	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2021		x	Click
30	BSC_Vĩ Mô & Thị trường Tháng 10.2021	x		Click
31	Cơ hội sau giãn cách xã hội	x		Click
32	BSC_Vĩ mô & Thị trường Quý III 2021	x		Click
33	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 8.2021	x		Click
34	Quan hệ thương mại và đầu tư của Hoa Kỳ và Việt Nam	x		Click
35	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2021		x	Click
36	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 7.2021	x		Click
37	Covid làn sóng thứ 4	x		Click
38	BSC_Vĩ mô & Thị trường Quý 2.2021	x		Click
39	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 5.2021	x		Click
40	XU HƯỚNG GIÁ HÀNG HÓA THẾ GIỚI	x		Click
41	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2021		x	Click
42	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 4.2021	x		Click
43	Triển vọng ngành Dệt May 2021		x	Click
44	BSC_Vĩ mô & Thị trường Quý 1.2021	x		Click

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>

Đối với Phân tích Nghiên cứu

Phòng Phân tích Nghiên cứu

hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức

Phòng TVĐT và môi giới KHTC

hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân

Trung tâm tư vấn i-Center

i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639

